

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐST
Ngày: 24/01/2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

2. Bà Phan Thị Thanh Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều TTHnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2025 giữa các đương NTS:

1. **Nguyên đơn:** bà TTH, sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện K, tỉnh H.

2. **Bị đơn:** Ông NTS, sinh năm: 1996, trú tại: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Q.

Bà TTH có mặt, ông NTS vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà TTH trình bày:

Bà TTH và ông NTS tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T huyện N vào năm 2016. Vợ chồng sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát nhau. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng phân ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, bà TTH làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành cho bà được ly hôn ông NTS.

Về con chung có một con tên NBA, sinh ngày 04/9/2015. Từ khi con

được sinh ra đến nay bà TTH là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Nay bà TTH yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi con, không yêu cầu ông NTS cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông NTS không có lời khai tại hồ sơ, không có mặt tại phiên toà nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà TTH được ly hôn ông NTS. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung NBA, sinh ngày 04/9/2015 cho bà TTH trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đương NTS không yêu cầu nên không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà TTH có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông NTS. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thì ông NTS có đăng ký thường trú thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Q. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà TTH và ông NTS tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N vào năm 2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà TTH và ông NTS là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà TTH là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng phân ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ. Ông NTS đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà TTH. Ông NTS đã được tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông không đến Tòa án mà không có lý do, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Điều này thể hiện ý chí của ông NTS không mong muốn hoà giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà TTH và ông

NTS đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà TTH được ly hôn với ông NTS là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Bà TTH và ông NTS có một con chung tên NBA, sinh ngày 04/9/2015. Bà TTH yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông NTS cấp dưỡng; ông NTS không có ý kiến trình bày về vấn đề này.

[2.4] Hội đồng xét xử xét thấy: việc giao con cho ai nuôi phải xem xét với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng cũng như đảm bảo NTS phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho đứa trẻ, cần phải xem xét toàn diện mọi mặt để đưa ra phán quyết phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đạo đức xã hội. Cháu NBA còn nhỏ, giới tính nữ rất cần NTS quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Mặt khác, cháu có ý kiến được ở với mẹ vì từ nhỏ đến giờ cháu chỉ sống với mẹ, không sống với ba. Ông NTS cũng không trình bày nguyện vọng, yêu cầu của mình đối với vấn đề này. Do vậy, xét giao cháu NBA, sinh ngày 04/9/2015 cho bà TTH trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu An đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà TTH cam đoan có đủ khả năng kinh tế nuôi con và các đương NTS không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm:** Bà TTH phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân NTS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTH về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn ông NTS.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà TTH được ly hôn với ông NTS.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung NBA, sinh ngày 04/9/2015 cho bà TTH trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết

định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà TTH phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà TTH đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006844 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân NTS huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

6. Về quyền kháng cáo: Bà TTH có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông NTS có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy